

Số : 02 /2018/NTW-CBTT

Nhơn Trạch, Ngày 01 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN
NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM - THÁNG 02/2018

- Tổng số mẫu xét nghiệm (Lý hóa và vi sinh) : 12 mẫu
- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn : 12 mẫu
- Tổng số chỉ tiêu xét nghiệm : 15 chỉ tiêu (giám sát A)
- Tổng số chỉ tiêu đạt quy chuẩn : 15 chỉ tiêu
- Các chỉ tiêu không đạt : 00 chỉ tiêu

KHU VỰC LẤY MẪU	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP	SỐ MẪU/ THÁNG		KẾT QUẢ LÝ HÓA		KẾT QUẢ VI SINH		CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐẠT
		Lý Hóa	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
Khu vực: Khu dân cư xã Đại Phước, Phú Hữu và xã Phú Đông huyện Nhơn Trạch - Đồng Nai	- Trạm bơm nước Đại Phước	6	6	6	0	6	0	0
Cộng		6	6	6	0	6	0	0
Tỷ lệ %		x	x	100%	0	100%	0	0

- **Kết luận:** Chất lượng nước tại nhà máy, trạm cấp nước và trên mạng lưới cấp nước đạt tiêu chuẩn và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.

Trân trọng.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Quang Hồng

Số: 285/KQ.XN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00285.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml
Ngày nhận mẫu : 02/02/2018
Ngày trả kết quả : 23/02/2018
Địa điểm lấy mẫu : Trạm bơm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,21	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,73 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	40,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	Không phát hiện	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	8,80 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	128,28 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,05 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,04 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,34 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 287/KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00287.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/02/2018
Ngày trả kết quả : 23/02/2018
Địa điểm lấy mẫu : Số 348 ấp Câu Khê - Xã Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,26	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,53 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	41,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	Không phát hiện	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	8,26 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	135,55 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,07 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,04 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	3,79 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,31 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

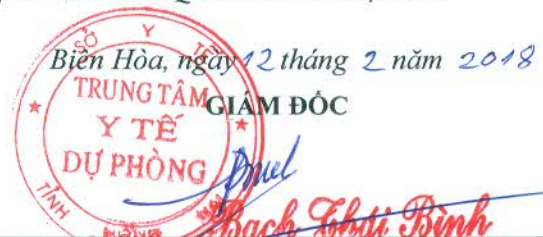
(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 286/KQXU



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00286.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/02/2018
Ngày trả kết quả : 23/02/2018
Địa điểm lấy mẫu : 68 Lý Thái Tổ - Đại Phước - Nhơn Trạch - Đồng Nai

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,16	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,48 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	40,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	Không phát hiện	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	8,14 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	128,28 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,07 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,05 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,31 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến

